

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 011/VCF/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554

Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm BRCGS số 381A1810005 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ

2. Thành phần: 50 % hạt cà phê Robusta, hạt cà phê Arabica.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được chứa trong bao bì lon thiếc, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Khối lượng tịnh: 250 g.

- Các lon được đóng vào thùng carton với quy cách: Khối lượng tịnh: 1,5 kg (6 lon x 250 g)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Handwritten signature and blue arrow pointing to the bottom right corner.



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản tự công bố số 011/VCF/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Số TCCS 16:2025/BH106
	CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- Trạng thái: Dạng hạt nguyên
- Màu sắc: Màu nâu đến nâu đậm
- Mùi: Thơm cà phê đặc trưng của hạt cà phê
- Vị: Đắng, chua nhẹ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$
2	Hàm lượng caffeine	% khối lượng	$\geq 1,0$

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^3
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
3	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
4	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10^2

4. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê và nhóm thực phẩm đóng hộp khác (đối với Thiếc):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
5	Hàm lượng thiếc (Sn)	mg/kg	250

5. Hàm lượng độc tố vi nấm: theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm hạt cà phê rang và cà phê bột, không bao gồm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	5



Số: 040163 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39565.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025
Lượng mẫu : 01 gói x 250 g
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-14/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Độ ẩm	AOAC 979.12 (a)	2,06	% khối lượng
2	Tro không tan trong HCl	HD.PP.16/TT.LH:2024 (Ref.AOAC 941.12) (a)	Không phát hiện LOQ = 0,1	% khối lượng
3	Cafein	HD.PP.02/TT.SK:2023 (a)	2,17	%

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, không nhãn sản phẩm, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 21/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 -11- 2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **040161** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39585.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025
Lượng mẫu : 01 lon x 250 g
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-19/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
5	Thiếc (Sn)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 2	mg/kg
6	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2023 (Ref. AOAC 2004.10) (a)	Không phát hiện LOD = 0,3	µg/kg

Số: 040162 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39586.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025
Lượng mẫu : 01 lon x 250 g
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-19/11/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a)	$2,0 \times 10^1$	CFU/g
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a)	< 10	CFU/g
3	<i>Salmonella spp.</i>	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (a)	Không phát hiện	/25 g
4	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, không nhãn sản phẩm, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 21/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- < 10 CFU/g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-11-2025

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Mã kiểm soát AW: 16/2025/BH106.BKLO00120

04-12-2025

SẢN PHẨM
CHẤT LƯỢNG CỦA



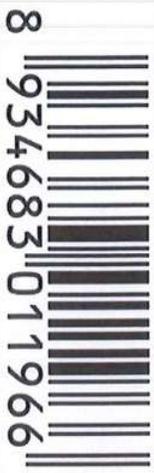
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 250 g



BKLO00120



CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT



Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhân

CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ

THÀNH PHẦN: 50 % hạt cà phê Robusta (*), hạt cà phê Arabica

(*): Trong thành phần hạt cà phê Robusta có chứa 30 % hạt cà phê đạt chuẩn Fine Robusta

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU: Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 1,0 %

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

NGÀY SẢN XUẤT (NSX): xem trên bao bì

HẠN SỬ DỤNG (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

TƯ VẤN KHÁCH HÀNG: 1800 6068

SẢN XUẤT THEO SỐ TCCS 16:2025/BH106

Không sử dụng sản phẩm hết hạn

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

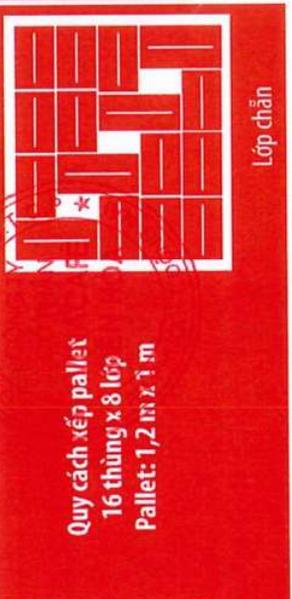
XÂY CÀ PHÊ NGUYÊN HẠT THÀNH BỘT KÍCH CỠ PHÙ HỢP VỚI PHƯƠNG PHÁP PHA CHẾ CỦA BẠN



Mã kiểm soát AW:

16/2025/BH106.BKLO00120

04-12-2025



BGTF00680

08CF00933

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhân

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh
NGÀY SẢN XUẤT (NSX): xem trên bao bì
HẠN SỬ DỤNG (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA VINACAFÉ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÀ PHÊ RANG NGUYÊN HẠT VINACAFÉ

TƯ VẤN KHÁCH HÀNG: 1800 6068
Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm
SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
(*) Trong thành phần hạt cà phê Robusta có chứa 30 % hạt cà phê đạt chuẩn Fine Robusta
KHỐI LƯỢNG TỊNH:
1,5 kg (6 lon x 250 g)



Mã kiểm soát AW: 16/2025/BH106.BGTF00680

Handwritten signature

04 -12- 2025